

Số: 102/2016/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHOÁ IX; KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 156/TTr-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về quy định khung mức thu, miễn, giảm, thu, nộp đối với lệ phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 298/BC-HĐND, ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp như sau:

1. Đối tượng thu lệ phí

Người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật.

2. Mức thu lệ phí

Số TT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu cho mỗi trường hợp
1	Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp xã		
1.1	Khai sinh (đăng ký lại)	đồng	5.000
1.2	Khai tử (đăng ký lại)	đồng	5.000
1.3	Nhận cha, mẹ, con	đồng	10.000

1.4	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	đồng	3.000/bản sao
1.5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch	đồng	10.000
1.6	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	đồng	10.000
1.7	Ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	đồng	5.000
1.8	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các hộ tịch khác; đăng ký hộ tịch khác	đồng	5.000
2	Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp huyện		
2.1	Khai sinh	đồng	50.000
2.2	Khai tử	đồng	50.000
2.3	Kết hôn	đồng	1.000.000
2.4	Giám hộ	đồng	50.000
2.5	Nhận cha, mẹ, con	đồng	1.000.000
2.6	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	đồng	5.000/bản sao
2.7	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	đồng	25.000
2.8	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước ngoài	đồng	50.000
2.9	Xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác; đăng ký hộ tịch khác	đồng	50.000
3	Mức thu áp dụng đối với việc cấp bản sao trích lục hộ tịch từ Sổ hộ tịch tại Sở Tư pháp		
	Cấp bản trích lục hộ tịch	đồng	5.000/bản sao

3. Đối tượng miễn thu lệ phí.

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.

b) Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước và đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với công dân Campuchia thường trú thuộc khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia.

c) Đăng ký hộ tịch cho trẻ em, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

d) Khi có sai sót về thông tin do lỗi của cơ quan quản lý.

4. Quản lý và sử dụng lệ phí

a) Cơ quan thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước. Các khoản chi phí liên quan đến công tác thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Các nội dung khác liên quan đến chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng từ thu, công khai chế độ thu lệ phí hộ tịch không đề cập tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và Lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn theo quy định hiện hành.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp Khóa IX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, VPQH, VPCP (I, II), BCTĐB;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản (BTP);
- Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ;
- TT/TU, TT/UBND, UBMTTQVN Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Tỉnh, Đại biểu HĐND Tỉnh;
- Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các Sở ngành Tỉnh;
- TT/HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo Tỉnh;
- Lưu VT, TH.

CHỦ TỊCH



Phan Văn Thắng